

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày 16-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn T. Phương Oanh; ông Hoàng Long Hính.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yên - Thư ký viên TAND tỉnh Hà Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Nga, bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2025, tại Phòng xử án Hình sự, Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2025/TLST-HS ngày 09/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HS ngày 03/6/2025 đối với các bị cáo:

1. Bùi Quang T, sinh năm 1991, tại huyện Y, tỉnh T; CCCD số 008091002723, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 26/01/2022; nơi cư trú: Số nhà 123, đường P, tổ 7, phường P, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Bùi Quang T1, sinh năm 1966 và bà Võ Thị N, sinh năm 1972; có vợ là Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1994; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt.

2. Lê Thị H, sinh năm 1982, tại huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; CCCD số 026182007551, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 23/4/2021; nơi thường trú: Xóm 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã Đ, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Lê Xuân Giới, sinh năm 1957 và bà Nguyễn T, sinh năm 1958; chồng là Trần Văn H(*đã ly hôn*); có 02 con, con lớn sinh năm 2005; con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt.

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, tại huyện B, tỉnh H; CCCD số 002167000346, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 27/10/2022; nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn V, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn T (*đã chết*) và bà Trần Thị V, (*đã chết*); chồng là Vũ Ngọc S (*đã ly hôn*); có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1987; là đảng

viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ tổ 7 thuộc Đảng bộ thị trấn V, bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 142-QĐ/UBKTHU ngày 15/03/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy B.

* *Tiền án, tiền sự*: Không.

* *Nhân thân*: Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 26-12-2024, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*" theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo đi chấp hành án phạt tù ngày 24/5/2025 (theo *Bản án Hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang*). Hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; *có mặt*.

- *Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa*: Bà Diệp Huyền Tr, sinh năm 1986; Bà Chu Thị B, sinh năm 1957; chị Hoàng Thị T, sinh năm 1992;

- *Người làm chứng có mặt tại phiên tòa*: Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1956.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 12/2022 trên địa bàn huyện B, tỉnh H thiếu nguồn cung ứng đá (*loại đá nguyên khai và đá xô bồ*) để công ty V (*đăng ký thành lập từ ngày 16/02/2009, địa chỉ tại: Tổ 7, thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh H; Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, buôn bán vật liệu xây dựng..., mã số doanh nghiệp/ mã số thuế: 5100263900 do Nguyễn Thị H làm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật*) chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường bán ra thị trường. Thông qua mối quan hệ xã hội bị cáo Nguyễn Thị H biết Lê Thị H là Thủ quỹ công ty cổ phần vận tải Quang Minh Thiện chuyên môi giới mua bán vật liệu xây dựng nên Hòa đã chủ động liên hệ với Hà nhờ giúp tìm nguồn cung cấp đá cho doanh nghiệp và được Hà đồng ý. Do có mối quan hệ trong kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa với bị cáo Bùi Quang T - Giám đốc công ty Bảo Anh M (*đăng ký thành lập từ ngày 10/3/2014, địa chỉ: Số nhà 123, đường P, tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh T; Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán vật liệu xây dựng (Xi măng, sắt, thép, gạch, đá, cát, sỏi) vận tải hàng hóa bằng ô tô tải..., mã số doanh nghiệp/ mã số thuế: 5000802531*) từ trước đó, nên sau khi được Hòa nhờ giúp, Hà đã trực tiếp làm trung gian trao đổi, thỏa thuận với T về việc bán đá của công ty Bảo Anh M cho công ty V. Trên cơ sở các hợp đồng kinh tế (*Số: 0101/2023/HĐKT, ngày 01/01/2023*), hợp đồng vận chuyển (*Số: 2023.01.01/HĐVC, ngày 01/01/2023*) ký kết giữa hai công ty, kể từ tháng 01/2023 đến hết tháng 03/2023 công ty Bảo Anh M đã vận chuyển, bán đá thực tế cho công ty V khoảng 3.000m³ đá xô bồ.

Đến cuối tháng 4/2023, công ty V được UBND thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh H giao khai thác đá tại mỏ đá vôi tổ 7, thị trấn Việt Quang phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn thị trấn Việt Quang, xã Hùng

An, xã Bằng Hành, huyện B, tỉnh H. Trong quá trình hoạt động khai thác, vì động cơ vụ lợi Nguyễn Thị H đã nảy sinh ý định, thực hiện hành vi khai thác đá trái phép từ chương trình nông thôn mới bán ra ngoài thị trường. Trong quá trình tiêu thụ đá khai thác trái phép có nhiều khách hàng yêu cầu Hòa phải xuất hóa đơn Giá trị gia tăng (*Sau đây gọi tắt là Hóa đơn GTGT*) thì mới mua. Do đó đề xuất được hóa đơn GTGT cho người mua hàng và đối phó với các lực lượng chức năng khi bị kiểm tra hoạt động khai thác đá phục vụ chương trình nông thôn mới, Hòa đã liên hệ, trao đổi với Hà về việc giúp mua hóa đơn GTGT không (*không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo*) của công ty Bảo Anh M. Sau khi được Hà trao đổi, Bùi Quang T thấy khối lượng hàng hóa nhập vào và bán ra có sự chênh lệch (*T khai lượng Hóa đơn xuất ra ít hơn do nhiều khách hàng mua lẻ đá xô bồ không lấy xuất hóa đơn GTGT*) nên đã đồng ý bán hóa đơn GTGT không cho Công ty V; đồng thời thỏa thuận, thống nhất với Hà là mỗi hóa đơn GTGT hàng hóa (*đá xô bồ*) bán ra T sẽ thu 20% và hóa đơn GTGT dịch vụ (*cước vận chuyển*) là 10,5% tổng giá trị hóa đơn trước thuế (*Theo Luật thuế Giá trị gia tăng quy định thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ là 10%*), còn việc Hà lấy bao nhiêu tiền phần trăm giá trị hóa đơn của Công ty V thì do Hà tự thỏa thuận, quyết định.

Khoảng tháng 7/2023, công ty V bị Chi Cục thuế khu vực B - Quang Bình, tỉnh Hà Giang phong tỏa tài khoản ngân hàng (*nguyên nhân là do chậm nộp thuế từ năm 2022*) dẫn đến doanh nghiệp không thực hiện được các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ qua tài khoản ngân hàng. Để tiếp tục bán đá khai thác trái phép từ chương trình nông thôn mới ra ngoài thị trường, Hòa đã mượn căn cước công dân của ông Nguyễn Tiến K (*Số 026056002059, cấp ngày 07/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*) và căn cước công dân (*Số: 02192000821, ngày cấp 03/4/2021 nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*) của bà Hoàng Thị T (*Sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn Việt Quang, huyện B - Là con dâu của Hòa*) sử dụng để đăng ký thành lập thêm công ty Đức Thuận (*Theo đăng ký doanh nghiệp thì ông Khang làm Giám đốc, người đại diện pháp luật còn bà Thảo làm Phó Giám đốc nhưng thực tế việc điều hành hoạt động của doanh nghiệp nêu trên đều do Hòa thực hiện*). Sau khi thành lập công ty Đức Thuận đến tháng 9/2023, Hòa tiếp tục nhờ Hà giúp liên hệ T bán hóa đơn GTGT không của công ty Bảo Anh M cho công ty Đức Thuận và công ty V. Lần này T tiếp tục đồng ý theo đề nghị của Hà nhưng phải thay đổi tỷ lệ trăm bán hóa đơn GTGT không đối với 02 công ty, cụ thể: Mỗi hóa đơn GTGT hàng hóa (*đá xô bồ*) tăng từ 20% lên 22% tổng giá trị hóa đơn trước thuế còn hóa đơn giá trị gia tăng dịch vụ (*cước vận chuyển*) thì giảm từ 10,5% xuống 09% tổng giá trị hóa đơn trước thuế (*Căn cứ Nghị định số 44/2023/NĐ-CP, ngày 30/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15, ngày 24/6/2023 của Quốc hội, xác định: Thuế giá trị gia tăng hàng hóa là 10% và thuế giá trị gia tăng dịch vụ giảm xuống còn 8%*).

Quá trình điều tra xác định: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Thị H và Bùi Quang T đã thực hiện giao dịch mua bán hóa đơn giá trị gia tăng không như sau: Căn cứ vào nhu cầu mua hàng hóa, dịch vụ không bị cáo H1 gọi điện thoại trực tiếp hoặc gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo (*Số điện thoại Hòa sử dụng để liên hệ*

và đăng ký Zalo là 0989.978.589) cho bị cáo H (Số điện thoại đăng ký Zalo của bị cáo H là 0988.213.376) thông báo đặt khối lượng đá (Từ 500m³ đến 1000m³) cần ghi trong hóa đơn. Trên cơ sở thông tin của bị cáo H1 và bị cáo T cung cấp, Hà đã lập không các Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng vận chuyển, Bảng tổng hợp xe ô tô vận chuyển đá xô bồ, Biên bản đối chiếu khối lượng và công nợ sau đó chuyển cho Hòa và T ký tên, đóng dấu doanh nghiệp nhằm hợp thức hóa việc mua bán hàng hóa, dịch vụ. Đồng thời bị Hà tiến hành lập biểu tính toán xác định trị giá của hàng hóa và cước vận chuyển rồi gửi qua Zalo cho T (Số điện thoại đăng ký Zalo của T là 0522.512.345) trực tiếp thực hiện các thao tác thiết lập hóa đơn GTGT không. Sau khi thiết lập hoàn chỉnh hóa đơn GTGT không, T gửi hóa đơn (dưới dạng file PDF) cho Hà để chuyển tiếp cho Hòa. Tại Cơ quan điều tra T khai nhận: Để bán hóa đơn GTGT không của công ty Bảo Anh M cho công ty V và công ty Đức Thuận, T đã sử dụng 01 bộ máy tính (Loại máy tính để bàn, lắp đặt tại văn phòng của công ty Bảo Anh M, địa chỉ: Số nhà 123, đường P, tổ 7, phường P, thành phố T, tỉnh T), có kết nối với mạng internet, thực hiện theo trình tự các bước như sau:

- Bước 01: Sau khi mở hệ thống máy tính kết nối với mạng internet, T thao tác truy cập vào phần mềm VNPT Invoice (Phần mềm xuất hóa đơn) cài đặt sẵn trên máy tính (Theo đường link 5000802531-tt78cadmin.vnpt-invoice.com) rồi đăng nhập ID: **5000802531_admin**, mật khẩu: **B@m5000802531**, nhập mã xác thực.

- Bước 2: Sau khi đăng nhập thành công vào tài khoản, bị cáo T lựa chọn mục Lập hóa đơn -> danh sách hóa đơn -> tạo mới – chọn ký hiệu **C23TAM** (Ký hiệu hóa đơn của công ty Bảo Anh M) -> điền thông tin khách hàng (Công ty V hoặc công ty Đức Thuận, địa chỉ....) -> chọn hình thức thanh toán -> tên sản phẩm - đơn vị tính - số lượng - đơn giá - thành tiền - phần trăm thuế (Hệ thống tự tính tiền) -> chọn mục tạo mới -> kiểm tra lại nội dung phôi hóa đơn (Hóa đơn nháp).

- Bước 3: Sau khi gửi phôi hóa đơn cho bị cáo H gửi cho bị cáo H1 kiểm tra, xác nhận lại nội dung hóa đơn đạt yêu cầu bị cáo T sử dụng 01 USB Token cắm vào case kết nối với máy tính để thực hiện ký chữ ký số rồi lựa chọn mục phát hành hóa đơn -> nhập mật khẩu tài khoản -> chờ mã tra cứu của cơ quan quản lý thuế cung cấp thì thực hiện thao tác in phát hành hóa đơn.

Các bị cáo H1, Hà và T đều khai nhận: Từ ngày 25/5/2023 đến ngày 09/11/2023, Công ty Bảo Anh M đã xuất bán cho Công ty V và Công ty Đức Thuận, tổng số 25 hóa đơn GTGT không, trong đó: Công ty V 13 hóa đơn (Có phụ lục số 01 kèm theo) và Công ty Đức Thuận 12 hóa đơn (Có phụ lục số 02 kèm theo). Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ (Bao gồm tiền thuế VAT) ghi không trên hóa đơn GTGT là **1.487.500.000đ**.

Kết quả điều tra cũng xác định: Để hợp thức hóa việc thanh toán số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên 25 hóa đơn GTGT không, các bị cáo đã thực hiện như sau: Căn cứ vào giá trị hàng hóa, dịch vụ (Bao gồm thuế VAT) trên hóa đơn GTGT không của Công ty Bảo Anh M, bị cáo H1 sử dụng tài khoản số: 641001060000194 của Công ty V mở tại Ngân hàng Bắc Á - Chi nhánh Hà Giang- Phòng Giao dịch

B và tài khoản số 8209888888118 của Công ty Đức Thuận mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện B, tỉnh H (*02 tài khoản do bị cáo H1 trực tiếp quản lý, sử dụng*) thực hiện chuyển tiền thanh toán (*Chạy dòng tiền*) hàng hóa, dịch vụ theo trị giá ghi trên hóa đơn đến tài khoản số 34110000998863 của Công ty Bảo Anh M mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T (*Tài khoản do bị cáo T quản lý, sử dụng*). Sau khi nhận tiền bị cáo T thực hiện rút tiền từ tài khoản của Công ty về tài khoản cá nhân (*Số tài khoản 3411000098888 mở tại Ngân hàng BIDV chi nhánh T*) rồi tiếp tục chuyển đến các số tài khoản của bị cáo H (*Gồm: Tài khoản số 34110000909111 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T và tài khoản số 660616218888 mở tại Ngân hàng Viettinbank, Chi nhánh T*). Trên cơ sở đó, bị cáo H thực hiện tính toán thu tiền bán hóa đơn và chuyển số tiền còn lại đến tài khoản số 102006825816 của bị cáo H1, mở tại Ngân hàng Viettinbank Chi nhánh Hà Giang hoặc tài khoản số 8209205199776 của bà Chu Thị B (*Kế toán thời vụ của công ty V và công ty Đức Thuận*) mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện B, tỉnh H (*Có một số giao dịch, sau khi rút tiền về tài khoản cá nhân, bị cáo T thực hiện chuyển tiền đến số tài khoản của bị cáo H1 hoặc bà Bình; còn việc tính toán thu tiền bán hóa đơn bị cáo H và bị cáo H1 sẽ tự thỏa thuận, thống nhất với nhau*). Cụ thể các giao dịch như sau:

- *Hóa đơn GTGT số 0000050, ngày 25/5/2023: Hồi 10 giờ 19 phút, ngày 30/5/2023 Hòa sử dụng tài khoản của Công ty V chuyển số tiền 105.000.000đ vào tài khoản của Công ty Bảo Anh M để chạy dòng tiền hóa đơn giá trị gia tăng số 0000050, ngày 25/5/2023. Đến 10 giờ 46 phút cùng ngày T rút tiền từ tài khoản Công ty Bảo Anh M về tài khoản cá nhân, sau đó đến 10 giờ 54 phút, T chuyển toàn bộ số tiền trên đến số tài khoản 34110000909111 của Hà để Hà giúp tính toán thu tiền bán hóa đơn và chuyển số tiền còn lại cho Hòa (Sau khi kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) bị cáo T đã thu lợi số tiền 5.659.091đ).*

- *Hóa đơn GTGT số 0000053, ngày 30/5/2023: Hồi 14 giờ 38 phút, ngày 30/5/2023 Hòa sử dụng tài khoản của Công ty V chuyển số tiền 52.500.000đ vào tài khoản của Công ty Bảo Anh M để chạy dòng tiền hóa đơn giá trị gia tăng số 0000053, ngày 30/5/2023. Đến 16 giờ 43 phút cùng ngày T rút tiền từ tài khoản Công ty Bảo Anh M về tài khoản cá nhân, ngay sau đó T chuyển số tiền này đến số tài khoản 34110000909111 của Hà để Hà tính toán thu tiền bán hóa đơn và chuyển số tiền còn lại cho Hòa (Sau khi kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) T đã thu lợi số tiền 2.829.545đ)*

- *Hóa đơn GTGT số 0000060, ngày 16/6/2023: Sau khi Công ty Bảo Anh M xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000060, ngày 16/6/2023 cho Công ty V, hồi 18 giờ 06 phút, ngày 29/6/2023 Hòa sử dụng tài khoản cá nhân chuyển số tiền 23.000.000đ (*Kèm nội dung chuyển tiền “Co hoa cha tien thue mua hang ha tq”*) đến số tài khoản 34110000909111 của Hà để thanh toán tiền mua hóa đơn số 0000060. Để hợp thức hóa việc chạy dòng tiền mua hóa đơn nêu trên, vào 16 giờ 05 phút, ngày 20/7/2023, Hòa đã sử dụng tài khoản của Công ty V chuyển số tiền 105.000.000đ vào tài khoản của Công ty Bảo Anh M. Sau khi nhận tiền, hồi 16 giờ 32 phút cùng ngày T rút tiền từ tài khoản Công ty về tài khoản cá nhân rồi*

chuyển trả lại toàn bộ số tiền 105.000.000đ vào tài khoản cá nhân của bị cáo H1 (Sau khi kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) bị cáo T đã thu lợi số tiền 5.659.091đ).

Trước Cơ quan điều tra, bị cáo H khai nhận: Quá trình thực hiện hành vi mua bán 03 hóa đơn GTGT số 00000050, 00000053, 00000060, Hà chỉ giúp T thực hiện tính toán, thu tiền bán hóa đơn theo tỷ lệ phần trăm T đưa ra và chuyển lại toàn bộ tiền bán hóa đơn cho T nên không được hưởng lợi ích, vật chất gì từ việc bán 03 hóa đơn nêu trên. Đối với các hóa đơn GTGT bán ra từ tháng 9/2023 đến tháng 11/2023 Hà khai: Khi trao đổi, thống nhất với T về tỷ lệ thu tiền bán hóa đơn (Hóa đơn hàng hóa 22% và hóa đơn dịch vụ 9%) do thấy việc bản thân đứng ra làm trung gian giao dịch mua bán hóa đơn là vi phạm pháp luật, nếu cơ quan chức năng phát hiện thì sẽ bị xử lý nên Hà đã thỏa thuận, thống nhất với T thu tăng thêm tiền bán hóa đơn theo giá trị như sau: Hóa đơn GTGT hàng hóa (đá xô bồ) là 21.000đ/01m³ đá ghi trên hóa đơn; đối với hóa đơn dịch vụ (cước vận chuyển) là 10,5% .

- Đối với 04 hóa đơn GTGT số 0000120, ngày 07/9/2023; 0000121, ngày 07/9/2023; 0000128, ngày 19/9/2023; 0000129, ngày 19/9/2023: Hồi 16 giờ 58 phút, ngày 11/9/2023 Hòa sử dụng tài khoản cá nhân chuyển số tiền 38.063.000đ vào số tài khoản 660616218888 của Hà để thanh toán tiền mua 04 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên. Để chạy dòng tiền mua hóa đơn số: 0000120, 0000121, 0000128, 0000129, hồi 15 giờ 27 phút, ngày 25/9/2023, Hòa sử dụng tài khoản Công ty V chuyển số tiền 157.500.000đ vào tài khoản của Công ty Bảo Anh M. Sau khi nhận tiền T đã rút toàn bộ số tiền này từ tài khoản Công ty Bảo Anh M về tài khoản cá nhân, rồi tiếp tục chuyển trả lại cho Hòa qua số tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Thị Bình (Sau khi kê khai, nộp thuế 04 hóa đơn GTGT (VAT) nêu trên bị cáo T và bị cáo H đã thu lợi, tổng số tiền là 24.880.682đ; Trong đó: bị cáo T hưởng lợi: 10.443.182đ và bị cáo H hưởng lợi 14.437.500đ).

- Đối với 04 hóa đơn GTGT số: 00p00122, ngày 07/9/2023; 0000123, ngày 07/9/2023; 0000130, ngày 19/9/2023; 0000131, ngày 19/9/2023: Sau khi công ty Bảo Anh M xuất các hóa đơn GTGT nêu trên cho công ty Đức Thuận: Hồi 11 giờ 11 phút, ngày 25/9/2023, bị cáo H1 sử dụng tài khoản của công ty Đức Thuận chuyển số tiền 157.500.000đ vào tài khoản của công ty Bảo Anh M để chạy dòng tiền mua các hóa đơn nêu trên. Sau khi nhận tiền, bị cáo T đã thực hiện rút tiền từ tài khoản công ty về tài khoản cá nhân. Đến 17 giờ 09 phút cùng ngày bị cáo T chuyển toàn bộ khoản tiền này đến số tài khoản số 34110000909111 của bị cáo H để bị cáo H tính toán và giữ lại 38.063.000đ tiền bán hóa đơn. Tiếp đó, bị cáo H sử dụng tài khoản số 34110000909111 chuyển trả 82.437.000đ vào tài khoản cá nhân của bị cáo H1 và dùng tài khoản số 660616218888 chuyển thêm 37.000.000đ (thông qua tài khoản của bà Bình) trả lại bị cáo H1 (Sau khi kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) bị cáo T và bị cáo H đã thu lợi từ việc bán 04 hóa đơn nêu trên, với tổng số tiền là 24.880.682đ; Trong đó bị cáo T hưởng lợi: 10.443.182đ và bị cáo H hưởng lợi 14.437.500đ).

- Đối với 06 hóa đơn GTGT số: 0000134, ngày 26/9/2023; 0000135, ngày 26/9/2023; 0000136, ngày 26/9/2023; 0000137, ngày 26/9/2023; 0000155, ngày

6/10/2023; 0000156, ngày 6/10/2023: Ngày 28/9/2023 bị cáo H1 sử dụng tài khoản cá nhân chuyển số tiền 42.000.000đ đến số tài khoản 34110000909111 của bị cáo H để thanh toán tiền mua hóa đơn số 0000135, 0000136. Để chạy dòng tiền mua hóa đơn số 0000134, 0000135, 0000155, 0000156, ngày 09/10/2023 Hòa sử dụng tài khoản của Công ty Đức Thuận thực hiện chuyển khoản số tiền 264.500.000đ (*Gồm: Lần 01 chuyển 109.500.000đ, lần 02 chuyển 155.000.000đ*) đến tài khoản của Công ty Bảo Anh M; cùng ngày T rút toàn bộ số tiền trên từ tài khoản Công ty về tài khoản cá nhân, sau đó tiếp tục chuyển đến số tài khoản 34110000909111 của Hà. Nhận được tiền từ T, Hà đã chuyển toàn bộ số tiền trên cho Hòa (*qua tài khoản của bà Bình*). Cũng trong ngày 09/10/2023, Hòa dùng tài khoản của Công ty V chuyển số tiền 109.500.000đ đến tài khoản của Công ty Bảo Anh M để chạy dòng tiền mua hóa đơn số 0000136 và 0000137. Sau khi T rút toàn bộ số tiền 109.500.000đ từ tài khoản Công ty về tài khoản cá nhân, T chuyển khoản số tiền này đến tài khoản 34110000909111 của Hà. Hà thực hiện tính toán, thu số tiền 47.445.000đ bán các hóa đơn số 0000134, 0000155, 0000156, 0000137 và khấu trừ thêm số tiền 20.000.000đ (*Hòa vay cá nhân Hà trước đó*) còn lại 42.055.000đ Hà sử dụng tài khoản số 34110000909111 chuyển trả cho Hòa (*Sau khi kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) T và Hà đã thu lợi từ việc bán 06 hóa đơn nêu trên, với tổng số tiền 58.205.387đ; trong đó T hưởng lợi 24.427.610đ, Hà hưởng lợi 33.777.778đ*).

- *Đối với 02 hóa đơn GTGT số 0000176 và 0000177, ngày 24/10/2023:* Ngày 05/11/2023, Hòa sử dụng tài khoản cá nhân chuyển số tiền 26.500.000đ đến số tài khoản 34110000909111 của Hà để thanh toán tiền mua hóa đơn số 0000176, 0000177. T khai bản thân đã nhận đủ tiền bán hóa đơn và xuất 02 hóa đơn của Công ty Bảo Anh M cho Công ty Đức Thuận nhưng đến nay các bị cáo vẫn chưa thực hiện việc chạy dòng tiền hợp thức hóa việc mua hàng hóa, dịch vụ giữa 02 Công ty. (*Sau khi kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) T và Hà đã thu lợi từ việc bán 02 hóa đơn nêu là 16.864.899; trong đó, T hưởng lợi 7.073.232đ, Hà hưởng lợi 9.791.667đ*).

- *Đối với 02 hóa đơn GTGT số 0000191 và 0000192 ngày 03/11/2023:* Trước Cơ quan điều tra, Hà và Hòa đã khai nhận: Sau khi được Công ty Bảo Anh M xuất hóa đơn GTGT không, Hòa đã thanh toán đủ số tiền 26.444.000đ mua 02 hóa đơn trên cho Hà. Tuy nhiên, đến nay giữa Công ty Bảo Anh M và Công ty V chưa thực hiện việc chạy dòng tiền hợp thức hóa việc mua hàng hóa, dịch vụ qua tài khoản ngân hàng (*Sau khi kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) T và bị cáo H đã thu lợi từ việc bán 02 hóa đơn trên là 16.841.751; Trong đó T hưởng lợi 7.063.973đ, Hà hưởng lợi 9.777.778đ*).

- *Đối với 04 hóa đơn GTGT số 0000199, 0000200, 0000201 và 0000202, ngày 11/9/2023:* Hồi 15 giờ 13 phút, ngày 15/11/2023, Hòa sử dụng tài khoản của Công ty Đức Thuận chuyển số tiền 186.000.000đ đến số tài khoản của Công ty Bảo Anh M để chạy dòng tiền mua hóa đơn số 0000201 và 0000202. Đến 16 giờ 05 phút cùng ngày, Hòa dùng tài khoản của Công ty V chuyển số tiền 117.000.000đ đến số tài khoản của Công ty Bảo Anh M để chạy dòng tiền mua hóa đơn số 000011 và 0000200. Nhận được tiền, T đã thực hiện rút toàn bộ số tiền

trên từ tài khoản Công ty về tài khoản cá nhân, rồi T chuyển khoản số tiền này đến số tài khoản 34110000909111 của Hà. Trên cơ sở thỏa thuận với Hòa, Hà thực hiện tính toán thu tiền bán 04 hóa đơn là 68.891.667đ. Đối với khoản tiền trả lại, trong ngày 15/11/2023 Hà đã sử dụng số tài khoản 660616218888 thực hiện chuyển trả số tiền 190.000.000đ cho Hòa, ngày 16/11/2023 Hà tiếp tục chuyển số tiền còn lại là 44.108.000đ (Sau khi kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) T và Hà đã thu lợi từ việc bán 04 hóa đơn trên là 43.820.960đ; trong đó T hưởng lợi 18.379.293đ, Hà hưởng lợi 25.441.667đ).

Như vậy, từ ngày 25/5/2023 đến ngày 09/11/2023, bị cáo Bùi Quang T và bị cáo Lê Thị H đã thực hiện hành vi bán 25 hóa đơn GTGT không (Nội dung hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là 13.600m³ đá xô bồ và 369 chuyến xe vận chuyển đá, tổng trị giá bao gồm thuế VAT là 1.487.500.000đ. Trong đó, trị giá hàng hóa, dịch vụ là 1.361.683.502đ, trị giá thuế (VAT) là 125.816.498đ) của Công ty Bảo Anh M cho bị cáo Nguyễn Thị H, với tổng số tiền là **325.458.585đ**. Sau khi bị cáo T thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT (VAT) tại Chi Cục thuế khu vực thành phố T - Y, tỉnh T số tiền **125.816.498đ** thì T và Hà đã thu lợi bất chính tổng số tiền **199.642.087đ**. Trong đó, T thu lợi bất chính số tiền **91.978.799đ**, Hà thu lợi **107.663.888đ**.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H, sau khi mua hóa đơn GTGT không của Công ty Bảo Anh M, Hà đã sử dụng để xuất trình, đối phó với Đoàn kiểm tra hoạt động khai thác đá phục vụ chương trình nông thôn mới của UBND thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh H (Tại biên bản kiểm tra ngày 14/4/2023 của UBND thị trấn Việt Quang). Ngoài ra, Hà còn sử dụng hóa đơn để hợp thức hóa việc xuất hóa đơn GTGT tiêu thụ 14.562,13m³ đá các loại khai thác trái phép được từ chương trình nông thôn mới (Công ty V và Công ty Đức Thuận đã xuất 48 hóa đơn GTGT, có hàng hóa thực tế và kê khai nộp thuế GTGT theo quy định).

Cáo trạng số 18/CT-VKSHG-P1, ngày 08/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, Nguyễn Thị H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi mua bán hóa đơn trái phép như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội, giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; hậu quả của tội phạm; vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, Nguyễn Thị H phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Bùi Quang T từ 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Quang T cho UBND phường P, thành phố T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 12 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị H cho UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 07 tháng tù;

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 26-12-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 Bản án từ 02 năm đến 02 năm 01 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2025, được khấu trừ thời hạn bị cáo đã bị tạm giam của tội trước từ ngày 28/2/2024 đến ngày 17/7/2024.

* *Hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Quang T 20.000.000đ; xử phạt bị cáo Lê Thị H 10.000.000đ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền **199.643.000đ** là số tiền các bị cáo T, Hà thu lợi bất chính và các công cụ, phương tiện phạm tội gồm: 01 case máy tính; 01 máy in màu trắng, nhãn hiệu HP Laser Jet Pro M12a; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG GALAXY A72 (*tất cả đều đã qua sử dụng*).

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng: 01 USB VIETTEL TOKEN vỏ nhựa màu trắng; 01 USB VINRA TOKEN, vỏ nhựa màu đỏ đen của Công ty Đức Thuận; 01 hộp dấu tròn của “CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐỨC THUẬN”, M.S.D.N: 5100495524-C.T.T.N.H.H, địa chỉ TP. HÀ GIANG - T. HÀ GIANG; 01 hộp dấu tên “*GIÁM ĐỐC, Nguyễn Tiến K*”.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Quang T: 01 Hộp dấu tròn của “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẠN TÁI BẢO ANH M”, M.S.D.N: 5000802531-C.T.T.H.H.H, địa chỉ TP. T, tỉnh T; 01 Hộp dấu tên GIÁM ĐỐC, Bùi Quang T;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H: 01 USB VNPT TOKEN, vỏ nhựa màu đen của công ty TNHH MTV Vạn Phúc; 01 hộp dấu tròn của “CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN VẠN PHÚC”, M.S.D.N: 5100263900-C.T.T.N.H.H, địa chỉ H. B - T. HÀ GIANG; 01 hộp dấu tên “GIÁM ĐỐC”; 01 hộp dấu tên “*Nguyễn Thị H*”.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, Nguyễn Thị H nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H trình bày đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, kính mong HĐXX cho các bị cáo được hưởng án treo theo mức thấp nhất, để các bị cáo được cải tạo, địa phương, sửa chữa lỗi lầm. Bị cáo Nguyễn Thị H trình bày bị cáo là phụ nữ đã lớn tuổi, có nhiều bệnh nền, trong giai đoạn điều tra bị cáo đã bị đột quỵ, kính mong HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo, vì bị cáo hiện đang phải đi chấp hành hình phạt của bản án trước về tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*", với mức án 18 tháng tù. Bị cáo mong muốn sớm chấp hành xong để trở về với gia đình và có điều kiện để chữa trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án triệu tập chị Diệp Huyền Tr, sinh năm 1986; Bà Chu Thị B, sinh năm 1957; chị Hoàng Thị T, sinh năm 1992; ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1956 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, xét thấy việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của chị Trang, chị Thảo, bà Bình, và ông Khang là người làm chứng trong vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt chị Trang, chị Thảo, bà Bình, trong đơn xin vắng mặt người làm chứng không có ý kiến thay đổi gì về lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, Nguyễn Thị H đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất, phù hợp với các lời khai của các bị cáo khác và những người làm chứng (*Lời khai của Bùi Quang T, bút lục từ 2111 đến 2158; lời khai của Lê Thị H bút lục từ 2159 đến 2252; lời khai của Nguyễn Thị Hoà: bút lục từ 2253 đến 2312*); lời khai những người làm chứng (*bút lục từ 2313 đến 2394*); dữ liệu điện tử trên điện thoại của bị cáo Nguyễn Thị Hoà (*bút lục từ 2439 đến 2519*); kết luận giám định (*bút lục từ 2105 đến 2107*) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết

luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 11/2023, Bùi Quang T là Giám đốc Công ty TNHH MTV Bảo Anh M cùng với Lê Thị H bán 25 hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ thực tế của Công ty Bảo Anh M cho 02 doanh nghiệp là Công ty V và Công ty Đức Thuận của bị cáo Nguyễn Thị H. Nội dung ghi trên hoá đơn GTGT không là 13.600m³ đá xô bồ và 369 chuyến xe vận chuyển đá, với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ (Bao gồm thuế VAT) là 1.487.500.000đ (Trong đó trị giá hàng hóa, dịch vụ: 1.361.683.502đ, trị giá thuế GTGT: 125.816.498đ), nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền **199.642.087đ**, bị cáo T được hưởng lợi số tiền **91.978.799đ**, bị cáo H được hưởng lợi số tiền **107.663.888đ**. Bị cáo Nguyễn Thị H là Giám đốc Công ty V đã mua 25 hoá đơn GTGT không (nội dung hoá đơn GTGT ghi không là 13.600m³ đá xô bồ và 369 chuyến xe vận chuyển đá, với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bao gồm thuế VAT là 1.487.500.000đ), với tổng số tiền **325.458.585đ** của Công ty Bảo Anh M nhằm hợp thức hóa việc khai thác, tiêu thụ trái phép 14.562,13m³ đá từ chương trình nông thôn mới và che giấu hành vi phạm tội, đối phó với các cơ quan chức năng khi thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác đá vôi của Công ty V phục vụ chương trình nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn thị trấn Việt Quang, xã Bằng Hành, xã Hùng An, huyện B, tỉnh H.

[4]. Hành vi của các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích phạm tội, mua, bán hóa đơn GTGT để kiếm lời, thu lợi bất chính. Bị cáo T, Hà phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo H1 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[6]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Đối với bị cáo Bùi Quang T, là Giám đốc Công ty Bảo Anh M, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Công ty, bị cáo đã không thực hiện kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, biết rõ việc mua bán hóa đơn GTGT không là trái quy định pháp luật, tuy nhiên vì động cơ vụ lợi sau khi được bị cáo H khởi sướng, rủ rê, bị cáo đã nhất trí và thống nhất với Lê Thị H thực hiện hành vi xuất bán 25 hóa đơn GTGT để thu lợi bất chính. Đối với bị cáo H, sau khi được bị cáo H1 đặt vấn đề mua hóa đơn không đã nhận lời và làm trung gian giao dịch mua bán với bị cáo T để được hưởng lợi; bị cáo H đã trực tiếp liên hệ, trao đổi, giao dịch mua bán hóa đơn để bán không cho bị cáo H1, thực hiện tính toán, thu tiền bán hóa đơn, lập không các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vận chuyển và bảng tổng hợp xe vận chuyển đá ...với vai trò người thực hành tích cực, giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Tổng số tiền thu lợi

bất chính là **199.642.087đ**, trong đó bị cáo T thu lời bất chính số tiền **91.978.799đ**, bị cáo H thu lợi bất chính số tiền **107.663.888đ**. Mặc dù sau khi được Hòa đặt vấn đề mua hóa đơn không, Hà đã khởi sự, rủ rê T thực hiện bán hóa đơn không trái phép, Hà được hưởng tiền thu lợi bất chính nhiều hơn so với T, nhưng T với vai trò là Giám đốc Công ty Bảo Anh M, chỉ đạo điều hành mọi toàn bộ hoạt động của Công ty Bảo Minh Anh nên bị cáo T vẫn phải chịu trách nhiệm lớn hơn so với bị cáo H. Đối với Nguyễn Thị H là giám đốc Công ty V, biết việc mua bán hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo là trái với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi bị cáo đã mua 25 hóa đơn GTGT không với số tiền **325.458.585đ** của Công ty Bảo Anh M nhằm hợp thức hóa việc khai thác, tiêu thụ trái phép 14.562,13m³ đá từ chương trình nông thôn mới và che giấu hành vi phạm tội khác của mình. Do vậy bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về hành vi mua trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của Bùi Quang T và Lê Thị H.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, Nguyễn Thị H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H là người có nhân thân tốt, quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền thu lợi bất chính từ hành vi bán trái phép hóa đơn, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước (*Bị cáo T nộp số tiền 91.978.799đ, bị cáo H nộp số tiền 107.664.000đ*); bị cáo T có ông nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo H là con trong gia đình có công với cách mạng; ngoài ra bị cáo H đã ly hôn vào tháng 10/2024, hiện tại đang đi thuê nhà và nuôi hai con nhỏ sinh năm 2005, 2011 ăn học là lao động chính trong gia đình. Do vậy các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9]. Bị cáo Nguyễn Thị H trong các giai đoạn tố tụng đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; hợp tác tốt với Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án bằng việc tự nguyện giao nộp đồ vật, tài liệu, chứng cứ quan trọng, có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo khác trong vụ án; quá trình lao động, sản xuất có nhiều thành tích góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, được các cấp tặng nhiều Giấy khen nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10]. Về hình phạt chính: Tại phiên tòa, các bị cáo đã tỏ rõ sự hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin hứa quyết tâm sửa chữa lỗi lầm để cải tạo thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân. Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội

đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T và bị cáo H xét xử các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để các bị cáo thấy rõ được sự khoan hồng của pháp luật mà tu dưỡng, rèn luyện bản thân, cũng đủ răn đe đối với các bị cáo, đồng thời có ý nghĩa răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét xử lý bị cáo T cao hơn, nghiêm khắc hơn bị cáo H để đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa hình phạt.

[11]. Bị cáo Nguyễn Thị H thực hiện hành vi phạm tội độc lập, mua của bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H 25 Hóa đơn giá trị gia tăng (*đã ghi nội dung*) của Công ty Bảo Anh M, bị cáo không hưởng lợi từ việc mua hóa đơn mà để hợp thức hóa việc khai thác, tiêu thụ trái phép 14.562,13m³ đá từ chương trình nông thôn mới và che giấu hành vi phạm tội khác của mình, ngày 26/12/2024 bị cáo bị TAND tỉnh Hà Giang xét xử và tuyên phạt 18 tháng tù về tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*", hiện nay bị cáo đang phải chấp hành án tại Trại tạm giam. Mặc dù tội phạm khác đã bị xét xử nhưng qua đó cho thấy cùng một thời điểm bị cáo thực hiện 02 hành vi phạm tội khác nhau nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét khi lượng hình, đồng thời tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự, riêng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung tại Bản án số 66/2024/HS-ST ngày 26-12-2024, không tổng hợp hình phạt với các loại hình phạt khác theo điểm đ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[12]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*". Xét thấy, trong vụ án này bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H thu lời bất chính từ hành vi bán trái phép hóa đơn nên việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H là cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả tính răn đe giáo dục đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Thị H - Giám đốc Công ty TNHH Vạn Phúc, thực hiện hành vi mua trái phép hóa đơn nhằm để che dấu hành vi phạm tội khác, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là cấm đảm nhiệm các chức vụ trong các doanh nghiệp một thời gian nhất định, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[13]. Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền **199.643.000đ** là số tiền các bị cáo T, Hà thu lợi bất chính và các công cụ, phương tiện phạm tội gồm: 01 case máy tính; 01 máy in màu trắng, nhãn hiệu HP Laser Jet Pro M12a; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG GALAXY A72 (*tất cả đều đã qua sử dụng*).

[14]. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng: 01 USB VIETTEL TOKEN vỏ nhựa màu trắng; 01 USB VINRA TOKEN, vỏ nhựa màu đỏ đen của Công ty Đức Thuận; 01 hộp dấu tròn của “CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐỨC THUẬN”, M.S.D.N: 5100495524-C.T.T.N.H.H, địa chỉ TP. HÀ GIANG - T. HÀ GIANG; 01 hộp dấu tên “*GIÁM ĐỐC, Nguyễn Tiến K*”.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Quang T: 01 Hộp dấu tròn của “*CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẠN TÀI BẢO ANH M*”, M.S.D.N: 5000802531-C.T.T.H.H.H, địa chỉ TP. T, tỉnh T; 01 Hộp dấu tên GIÁM ĐỐC, Bùi Quang T;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H: 01 USB VNPT TOKEN, vỏ nhựa màu đen của công ty TNHH MTV Vạn Phúc; 01 hộp dấu tròn của “*CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN VẠN PHÚC*”, M.S.D.N: 5100263900-C.T.T.N.H.H, địa chỉ H. B - T. HÀ GIANG; 01 hộp dấu tên “*GIÁM ĐỐC*”; 01 hộp dấu tên “*Nguyễn Thị H*”.

[15]. Đối với bà Diệp Huyền Tr (*Sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 09, phường Minh Xuân, thành phố T, tỉnh T*) là kế toán thời vụ của công ty Bảo Anh M: Trong năm 2023, bà Trang là người thực hiện kê khai báo cáo thuế cho Công ty Bảo Anh M trên cơ sở các tài liệu, chứng từ bị cáo T cung cấp. Bà Trang không biết, không tham gia bàn bạc, thống nhất với bị cáo T trong việc thực hiện hành vi phạm tội mua bán trái phép hóa đơn, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

[16]. Đối với bà Chu Thị B (*Sinh năm 1957, nơi cư trú: Tổ 14, thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh H - Kế toán thời vụ của công ty V và công ty Đức Thuận*): Được bị cáo H1 chỉ đạo thực hiện các giao dịch chuyển tiền ngân hàng (*Ủy nhiệm chi*) mua hàng hóa, dịch vụ từ Công ty V và Công ty Đức Thuận đến Công ty Bảo Anh M; xuất hóa đơn GTGT bán hàng hóa, dịch vụ, kê khai báo cáo thuế cho 02 doanh nghiệp trên cơ sở tài liệu bị cáo H1 cung cấp. Do làm kế toán thời vụ, không có mặt trực tiếp tại trụ sở công ty để làm việc nên bà Bình không biết giữa các công ty nêu trên có mua bán hàng hóa thực tế với nhau hay không. Mặt khác bà Bình không biết, không tham gia bàn bạc, thống nhất cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo H1, bị cáo T và bị cáo H, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

[17]. Đối với Hành vi của ông Nguyễn Tiến K (*Giám đốc*) và chị Hoàng Thị T (*Phó Giám đốc*) Công ty Đức Thuận: Quá trình điều tra ông Khang và chị Thảo đều khai do nể nang cá nhân nên đã cho bị cáo H1 mượn căn cước công dân nhưng khi mượn bị cáo H1 không nói cho hai người này biết về mục đích sử dụng để là đăng ký thành lập Công ty Đức Thuận. Mặt khác, ông Khang và chị Thảo không biết, không được tham gia bàn bạc, thống nhất cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo H1, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

[18]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[19]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng về cơ bản là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Bùi Quang T**, **Lê Thị H**, **Nguyễn Thị H** phạm tội “*Mua bán hóa đơn trái phép*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Bùi Quang T** 18 (*mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (*ba mươi sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Lê Thị H** 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*hai mươi bốn*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Quang T cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh T để giám sát giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh T để giám sát giáo dục bị cáo.

Gia đình các bị cá có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã , phường nơi các bị cáo cư trú việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

** Hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 3 Điều 203, Điều 41 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Quang T** 20.000.000đ; xử phạt bị cáo **Lê Thị H** 10.000.000đ;

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 06 (*sáu*) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung với Bản án số 66/2024/HS-ST ngày 26-12-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 02 (*hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày 24/5/2025 (*ngày bị cáo H1 đi chấp hành Bản án số 66/2024/HS-ST ngày 26-12-2024 của*

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang), được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam của tội phạm trước, từ ngày 28/02/2024 đến ngày 17/7/2024.

* *Hình phạt bổ sung*: Áp dụng khoản 3 Điều 203, Điều 41 Bộ luật Hình sự; cấm bị cáo Nguyễn Thị H giữ các chức vụ tại các doanh nghiệp 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước*: Số tiền 199.643.000đ được ghi trên Ủy nhiệm chi do Kho bạc nhà nước Khu vực VII, lập ngày 13/5/2025, do bị cáo Bùi Quang T và Lê Thị H tự nguyện nộp khắc phục hậu quả. Tòa bộ số tiền trên chuyển vào tài khoản số 3949.010.54204.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang, mở tại kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang;

- 01 case máy tính, có phần vỏ màu đen đã bị nứt vỡ, không rõ nhãn hiệu; 01 máy in màu trắng, nhãn hiệu HP Laser Jet Pro M12a; 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng đồng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, vỏ nhựa màu đen; 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE XS MAX, vỏ bằng kim loại màu vàng đồng, màn hình bị nứt, vỡ, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy; 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAM SUNG GALAXY A72, màu trắng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy (*tất cả đều đã cũ, đã qua sử dụng*).

* *Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng đã sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng*: 01 USB VIETTEL TOKEN vỏ nhựa màu trắng; 01 USB VINRA TOKEN, vỏ nhựa màu đỏ đen của Công ty Đức Thuận; 01 hộp dầu tròn của “CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐỨC THUẬN”, M.S.D.N: 5100495524-C.T.T.N.H.H, địa chỉ TP. HÀ GIANG - T. HÀ GIANG; 01 hộp dầu tên “*GIÁM ĐỐC, Nguyễn Tiến K*”.

* *Trả lại cho bị cáo Bùi Quang T*: 01 Hộp dầu tròn của “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬN TẢI BẢO ANH M”, M.S.D.N: 5000802531-C.T.T.H.H.H, địa chỉ TP. T, tỉnh T và 01 Hộp dầu tên GIÁM ĐỐC, Bùi Quang T.

* *Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H*: 01 USB VNPT TOKEN, vỏ nhựa màu đen của công ty TNHH MTV Vạn Phúc; 01 hộp dầu tròn của “CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN VẠN PHÚC”, M.S.D.N: 5100263900-C.T.T.N.H.H, địa chỉ H. B - T. HÀ GIANG; 01 hộp dầu tên “GIÁM ĐỐC”; 01 hộp dầu tên “*Nguyễn Thị H*”.

(*Như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2025 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Bùi Quang T, Lê Thị H, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC03, PV06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBKTHU B;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND p. P, UBND x.Đ, TP T, t. T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Thị Thu Hà